

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã**

Thực hiện Công văn số 1342/BNV-VKH ngày 15/3/2017 của Bộ Nội vụ về việc báo cáo tình hình ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong công tác quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) và cán bộ, công chức (CBCC) cấp xã. UBND tỉnh Đắk Nông báo cáo tình hình ứng dụng CNTT trong công tác quản lý hồ sơ CBCCVC và CBCC cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông như sau:

#### **I. THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CNTT TRONG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC:**

##### **1. Hạ tầng kỹ thuật**

- Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh: Được đầu tư tương đối đồng bộ, song song với hệ thống máy chủ, SAN, Trung tâm tích hợp dữ liệu cũng được đầu tư hệ thống thiết bị, giám sát an ninh mạng, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, nguồn điện dự phòng, chống sét,... bảo đảm đáp ứng triển khai hạ tầng phục vụ ứng dụng CNTT của tỉnh;

- Mạng LAN - WAN, Internet: 21/21 Sở, Ban, ngành, 08/08 UBND huyện, thị xã đã có hệ thống mạng LAN và kết nối với đường truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước, đạt tỷ lệ 100% và kết nối với Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh để hình thành mạng diện rộng của tỉnh nhằm bảo đảm hạ tầng phục vụ triển khai các ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan nhà nước của tỉnh; 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh đến xã đã kết nối Internet;

- Số lượng CBCC trong cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã được trang bị máy tính phục vụ công việc ngày càng tăng, góp phần tăng năng suất, hiệu quả công việc. Cấp tỉnh có tỷ lệ khoảng 92% cán bộ, công chức có máy tính sử dụng trong công việc, cấp huyện khoảng 90% cán bộ, công chức có máy tính, cấp xã khoảng 60% có máy tính;

- Hạ tầng bảo đảm an toàn, an ninh thông tin: Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh vẫn chưa được chú trọng. Hầu hết các hệ thống mạng LAN tại các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã chưa được đầu tư xây dựng hệ thống bảo mật, an ninh mạng. Chỉ một số ít đơn vị trang bị tường lửa (firewall), hệ thống an ninh mạng LAN đạt tỷ lệ khoảng 44%. Đa số các cơ quan, đơn vị đơn vị chỉ dừng lại ở việc cài đặt phần mềm diệt virus, tỷ lệ cài đặt phần mềm virus khoảng 71%, tỷ lệ cài đặt phần mềm virus có bản quyền khoảng 36%.



## **2. Hiện trạng về nguồn nhân lực ứng dụng CNTT**

### **a) Về cơ cấu tổ chức quản lý CNTT**

- Cấp tỉnh: Phòng Công nghệ thông tin thuộc Sở Thông tin và Truyền thông là đơn vị tham mưu công tác quản lý nhà nước về CNTT trên toàn tỉnh; Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông là đơn vị sự nghiệp chịu trách nhiệm quản lý vận hành các ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh;

- Cấp huyện: Phòng Văn hóa - Thông tin là cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND các huyện, thị xã tham mưu công tác quản lý nhà nước về CNTT tại các huyện, thị xã. Tuy nhiên, một số huyện chưa được bố trí cán bộ chuyên trách công tác quản lý CNTT tại Phòng Văn hóa - Thông tin;

- Cấp xã: Hiện nay chưa bố trí chức danh cán bộ chuyên trách CNTT tại cấp xã.

### **b) Trình độ, kỹ năng ứng dụng CNTT**

- Tổng số CBCCVV của tỉnh là 5.024 người (chưa tính viên chức sự nghiệp Y tế và Giáo dục), trong đó tỷ lệ CBCCVV biết sử dụng máy tính khoảng 85%;

- Số CBCCVV được bố trí nhiệm vụ chuyên trách CNTT tại các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã là 41 người, kiêm nhiệm là 49 người; chưa có cán bộ chuyên trách CNTT cấp xã. Chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT tại các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã tuy có trình độ đại học, cao đẳng CNTT nhưng còn yếu và hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ ở một số lĩnh vực như quản trị mạng, bảo mật, an ninh mạng, ...

## **3. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước**

- Hệ thống thư điện tử của tỉnh: Có khoảng hơn 6.200 hộp thư, bảo đảm 100% cán bộ, công chức từ cấp tỉnh đến cấp xã có hộp thư điện tử để giao dịch hành chính trên môi trường mạng;

- Hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp các cấp: Đang tiến hành xây dựng đồng bộ lại trên toàn tỉnh;

- Triển khai ứng dụng chữ ký số đối với 100% cán bộ quản lý từ cấp tỉnh đến cấp huyện.

## **4. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp**

Cổng thông tin điện tử của tỉnh (<http://www.daknong.gov.vn>) cùng với 25 Trang thông tin điện tử của các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã cung cấp 1.490 dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 2 phục vụ người dân, tổ chức và doanh nghiệp. Cổng thông tin điện tử của tỉnh được nâng cấp theo quy định tại theo Điều 28, Luật Công nghệ thông tin; Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước và Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

## **5. Việc triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành**

- Triển khai hệ thống Bản đồ nền Hệ thống tin địa lý (Geographic information system GIS) cho toàn tỉnh Đắk Nông được xây dựng và đưa vào



khai thác sử dụng bản đồ GIS phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực Bru chính - Viễn thông, Giao thông, Vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch của tỉnh;

- Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc - TABMIS do Bộ Tài chính xây dựng, triển khai đang hoạt động ổn định tại Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước tỉnh;

- Cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý CBCCVC (Sở Nội vụ quản lý) triển khai tại các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã.

### **6. Những khó khăn, hạn chế**

- Các máy chủ, thiết bị lưu trữ dự phòng (SAN) trang bị tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh (Sở Thông tin và Truyền thông) còn rất ít dung lượng, không thể tiếp tục triển khai các Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung được, cũng như bảo đảm duy trì, lưu trữ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, Trang thông tin của các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã đặt hosting tại Trung tâm. Trang thiết bị CNTT các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã hư hỏng, xuống cấp, thời gian khấu hao nhiều, nhất là máy chủ, các thiết bị mạng,... Hệ thống an toàn, bảo mật thông tin tại các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã chưa được đầu tư;

- Việc ứng dụng CNTT hiện đại hóa nền hành chính chưa đồng bộ. Do ngân sách tỉnh còn khó khăn nên việc bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án CNTT còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu triển khai nên các dự án có quy mô lớn (dự án Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông, các nhiệm vụ, dự án trong Kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 2016 - 2020) còn triển khai chậm, chưa đạt yêu cầu, mục tiêu đề ra;

- Do các cơ chế, chính sách nhằm phát triển ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh còn ban hành chậm, chưa có cơ sở để triển khai thực hiện nên một số chương trình dự án CNTT trong năm 2016 còn chậm trễ so với tiến độ đề ra (Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 01/7/2016, Quyết định số 672a/QĐ-UBND ngày 04/05/2016, Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 19/07/2016).

## **II. THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CNTT TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ HỒ SƠ CBCCVC VÀ CBCC CẤP XÃ:**

### **1. Bối cảnh:**

Quản lý thông tin của CBCCVC trong cơ quan nhà nước là một vấn đề quan trọng và cấp thiết có nhiều ứng dụng trong việc quản lý nguồn nhân lực, chính sách đối với CBCCVC trên địa bàn tỉnh.

Quản lý thông tin CBCCVC thủ công tốn nhiều thời gian và hiệu quả không cao do thông tin của CBCCVC thường xuyên thay đổi. Việc ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng lực quản lý CBCCVC là vô cùng cần thiết.

Được sự hỗ trợ của Chương trình DANIDA (chính phủ Đan Mạch), UBND tỉnh đã giao cho Ban quản lý Chương trình CCHC tỉnh phối hợp với Sở Nội vụ triển khai phần mềm Quản lý CBCCVC của công ty Cổ phần Tin học Giải pháp Tích Hợp Mở (iNet) cuối năm 2012.



## **2. Kết quả đạt được:**

Đến nay, sau hơn 04 năm triển khai thực hiện phần mềm quản lý CBCCVC được triển khai đến tất cả các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã (triển khai đến các xã, phường, thị trấn), bước đầu thông tin CBCCVC được nhập vào phần mềm và các cơ quan, đơn vị đã có thể khai thác dữ liệu từ phần mềm.

Tính đến tháng 12/2016 toàn tỉnh đã có 2.284 hồ sơ CBCCVC có trên hệ thống.

## **3. Nhận xét, đánh giá:**

### **a) Thuận lợi:**

- Được sự hỗ trợ kinh phí của Chương trình DANIDA nên việc triển khai phần mềm Quản lý CBCCVC nhanh chóng và thuận lợi.

- Việc triển khai đồng bộ phần mềm cho tất cả các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh giúp phần mềm quản lý CBCCVC phát huy được hiệu quả và giảm chi phí triển khai đáng kể.

- Bước đầu đã xây dựng và tin học hóa được hệ thống, quy trình, quy phạm quản lý CBCCVC trên địa bàn tỉnh. Giúp công tác quản lý CBCCVC trở nên đơn giản và thuận tiện hơn.

- Thay đổi nhận thức và cách thức trong công tác quản lý CBCCVC trên địa bàn tỉnh.

- Phần mềm giúp thống kê chặt chẽ, kịp thời các biến động về CBCCVC trên địa bàn tỉnh.

- Phần mềm giúp cung cấp nhanh và đầy đủ thông tin như thông tin tổng hợp, thông tin chi tiết về CBCCVC,... của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Qua đó đáp ứng nhanh chóng các yêu cầu báo cáo, thống kê về CBCCVC theo yêu cầu của Bộ Nội vụ, của UBND tỉnh.

- Tổ chức quản lý lưu trữ thông tin CBCCVC trên hệ thống máy tính cũng góp phần giảm bớt chi phí lưu trữ hồ sơ CBCCVC so với trước đây.

### **b) Các khó khăn, tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện:**

- Lần đầu áp dụng phần mềm trong quá trình quản lý CBCCVC nên một số CBCCVC làm công tác tổ chức của các cơ quan, đơn vị còn nhiều ngỡ ngàng.

- Với số lượng thông tin của CBCCVC nhiều nên việc nhập liệu có khối lượng lớn và thời gian nhập liệu tại các cơ quan, đơn vị kéo dài nên việc khai thác dữ liệu từ phần mềm chưa được nhiều.

- Chưa triển khai phần mềm tới các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh nên một số lượng lớn viên chức của các đơn vị này chưa được quản lý bằng phần mềm (trên 10000 lượt viên chức).

- Một số mẫu báo cáo trích xuất từ phần mềm chưa phù hợp với biểu mẫu của Bộ Nội vụ cần phải điều chỉnh.

## **4. Hướng triển khai sắp tới:**

- Phối hợp với đơn vị cung ứng phần mềm nâng cấp và sửa các lỗi còn tồn tại của phần mềm.

- Ban hành quy chế quản lý và sử dụng phần mềm quản lý CBCCVC trong đó nêu rõ các cơ quan, đơn vị mà hồ sơ CBCCVC không có trên phần mềm sẽ

không được giải quyết tại Sở Nội vụ, phòng Nội vụ và đơn vị làm công tác tổ chức khác.

- Triển khai phần mềm quản lý CBCCVC tới tất cả đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh để toàn bộ CBCCVC trên địa bàn tỉnh được quản lý bằng phần mềm.

Trên đây là báo cáo tình hình ứng dụng CNTT trong công tác quản lý hồ sơ CBCCVC và CBCC cấp xã của UBND tỉnh Đắk Nông. Kính đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Cao Huy**